

HOSE 24/01/2014

VNINDEX 560.19 6.65 1.20%

KLGD 88,005,982 CP
GTGD 1,573.48 Tỷ
GTR NDTNN 135.00 Tỷ

CP Tăng giá 144 CP
CP Giảm giá 70 CP
CP Đứng giá 90 CP



HNX 24/1/2014

HNXINDEX 73.66 0.21 0.29%

KLGD 34,765,819 CP
GTGD 336.60 Tỷ
GTR NDTNN 9.00 Tỷ

CP Tăng giá 136 CP
CP Giảm giá 74 CP
CP Đứng giá 169 CP



VN30 & HNX30 INDEX

VN30 627.91 1.29 0.21%
HNX30 144.09 0.18 0.13%

Tâm điểm

- ▶ **Tiếp tục tăng điểm nhẹ nhưng thanh khoản vẫn khá thấp**
- ▶ **Thanh khoản thị trường tăng nhưng vẫn ở mức khá**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn nếu loại trừ GDTT đạt khoảng 1.800 tỷ đồng.
- ▶ **Fitch nâng triển vọng xếp hạng Việt Nam lên tích cực**
Theo thông báo mới nhất của hãng xếp hạng tín nhiệm Fitch Ratings Vietnamplus
- ▶ **Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 chỉ tăng 3%**
Số liệu được Tổng cục Thống kê công bố sáng ngày 24/1
Sài Gòn Giải Phóng Online
- ▶ **Tổng cục thống kê: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2014 tăng 0.69%**
Đây là mức tăng CPI thấp nhất của tháng 1 kể từ năm 2009
Vneconomy
- ▶ **NSC - Sẽ chào bán gần 5.3 triệu cp với giá 65,000 đồng/cp**
NSC phát hành thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ lên 152 tỷ đồng
Công Lý
- ▶ **DVP - Vượt kế hoạch lợi nhuận 16,52%, dự kiến trả cổ tức 20%**
Năm 2014, DVP đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế là 195 tỷ đồng
Người Đồng Hành

Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
HOSE	924,520	2,282	12.5	3.1	2.84
HNX	116,480	747	17.6	1.6	3.55
Toàn bộ thị trường	1,041,000	1,833	13.4	3.0	2.96

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	8,187	4,297	6.4	1.1	0.52
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	23,919	5,476	7.3	1.8	0.38
Thép và sản phẩm thép	31,145	1,342	16.6	1.8	1.79
Khai khoáng	12,227	686	41.8	4.9	0.33
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,703	839	14.6	1.4	1.66
Xây dựng	25,495	359	26.9	1.0	3.10
Máy công nghiệp	9,830	2,946	9.3	1.6	0.65
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,399	3,482	10.5	1.5	0.42
Lốp xe	6,507	4,442	8.1	2.3	1.33
Nuôi trồng nông & hải sản	12,175	1,664	10.3	1.2	1.95
Thực phẩm	209,254	3,817	23.3	5.8	0.78
Dược phẩm	14,542	5,629	11.6	3.0	0.83
Phần mềm	15,265	5,014	9.4	2.1	1.11
Sản xuất & phân phối điện	22,776	2,226	7.0	1.3	1.16
Phân phối xăng dầu & khí đốt	149,258	6,176	11.1	4.2	0.45
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	1,618	28.4	2.6	3.18
Môi giới chứng khoán	19,561	662	16.7	1.1	0.54
Ngân hàng	211,012	1,681	8.7	1.3	9.65
Bất động sản	134,450	1,291	18.0	3.0	2.01
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,111	3,935	10.6	1.8	1.51

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Fitch nâng triển vọng xếp hạng Việt Nam lên tích cực

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 1 chỉ tăng 3%

Tổng cục thống kê: Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2014 tăng 0.69%

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

CII - Số dư tiền trên 600 tỷ đồng cuối năm 2013

NSC - Sẽ chào bán gần 5.3 triệu cp với giá 65,000 đồng/cp

DVP - Vượt kế hoạch lợi nhuận 16,52%, dự kiến trả cổ tức 20%

► Tin kinh tế

Theo báo cáo Fitch Ratings chính thức công bố ngày 23-1, Fitch Ratings vừa nâng mức đánh giá triển vọng tín nhiệm của Việt Nam từ “ổn định lên “tích cực” bởi những chuyển biến kinh tế trong thời gian qua. Hãng này đánh giá chỉ số xếp hạng nhà phát hành ngoại tệ và nội tệ (IDR) dài hạn của Việt Nam ở mức B+, triển vọng cho chỉ số IDR đã nâng lên “tích cực thay vì “ổn định” trước đó. Ngoài ra, trần xếp hạng tín nhiệm quốc gia của Việt Nam được Fitch xếp ở mức B+ trong khi xếp hạng IDR ngắn hạn bằng ngoại tệ của Việt Nam ở mức “B”.

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 1-2014 ước tính tăng thấp, ở mức 3%, so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do ngành khai khoáng giảm sâu với mức giảm 9.6% và do ảnh hưởng của một số ngày nghỉ trước Tết Nguyên Đán. Trong khi đó, các ngành công nghiệp, ngành chế biến, chế tạo tăng khá ở mức 6.6% so với cùng kỳ năm 2013, đóng góp 4.6 điểm phần trăm vào mức tăng chung. Tính đến thời điểm 1-1-2014, chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9.7% so với cùng thời điểm năm 2013.

Tổng cục Thống kê vừa công bố chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 1/2014 đã tăng 0.69% so với tháng trước, là mức tăng thấp nhất của tháng 1 kể từ năm 2009. Như vậy, so với cùng tháng năm trước, CPI đã tăng 6.77%. Mức tăng 0.69% được coi là khá thấp bởi tháng 1 năm nay được kỳ vọng giá cả sẽ tăng cao do trong tháng có các ngày nghỉ lễ có đà cho tăng giá và nhất là thời điểm cận kề với Tết Nguyên Đán Giáp Ngọ 2014. Ngoài ra, các đợt điều chỉnh giá bán lẻ xăng dầu, giá bán lẻ gas gần đây cũng là các cú hích trực tiếp đến giá cả hàng hóa trên thị trường.

► Tin doanh nghiệp

Theo BCTC quý IV/2013 của CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP. HCM (HOSE: CII), trong quý IV/2013, Công ty đạt doanh thu thuần 65.441 tỷ đồng, lãi sau thuế 22.925 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2013, CII đạt doanh thu thuần 368.836 tỷ đồng, lãi sau thuế gần 140.434 tỷ đồng. Thu nhập trên mỗi cổ phiếu năm 2013 đạt 1,245 đồng. Tại ngày 31/12/2013, CII có trên 600 tỷ đồng tài sản ở dạng tiền, trong đó 547.49 tỷ đồng tiền và tương đương tiền, 66 tỷ đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng.

CTCP Giống cây trồng Trung Ương (HOSE: NSC) dự kiến chào bán 5,275,389 cp với giá 65,000 đồng/cp theo tỷ lệ 52.59%. Trong đó, công ty sẽ chào bán cho cổ đông hiện hữu 5,014,919 cp và chào bán cho cán bộ công nhân viên 260,470 cp. Được biết, ĐHĐCĐ bất thường của NSC đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 152 tỷ đồng bằng cách phát hành 5.3 triệu cp. Tổng số tiền huy động dự kiến khoảng 328 tỷ đồng, trong đó NSC sẽ dành 200 tỷ đồng đầu tư nâng tỷ lệ sở hữu tại các công ty mục tiêu cùng ngành trên 51% vốn và các công ty có cùng chuỗi giá trị sản xuất lên trên 25% vốn; ngoài ra dành 28 tỷ đồng đầu tư, xây dựng hạ tầng và mua sắm trang thiết bị, phương tiện vận tải.

CTCP Cảng Đình Vũ (HOSE: DVP) tiếp tục có những tăng trưởng ấn tượng so với kết quả kinh doanh năm ngoái. Sản lượng cả năm đạt 516,181 teu, tăng 11.56% so với năm 2012, hoàn thành 110.3% kế hoạch. Nhờ vậy, doanh thu của DVP tăng 3.94% và hoàn thành 111.22% kế hoạch còn lợi nhuận trước thuế tăng 4.24% và đạt 116.52% kế hoạch. Trong quý 4, doanh thu của DVP đạt 132.76 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 45.943 tỷ đồng. Với kết quả khả quan này, DVP dự kiến sẽ bỏ ra 80 tỷ đồng để trả cổ tức tỷ lệ 20%. Trong năm 2014, công ty đặt mục tiêu sản lượng là 500,000 teu. Doanh thu mục tiêu là 500 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế là 195 tỷ đồng. Mức cổ tức dự kiến là 20% vốn điều lệ.

HOSE 24/01/2014 VNINDEX 560.19 6.65 1.20% 88,005,982 CP 1,573.48 bil VND

Tiếp tục tăng điểm nhẹ nhưng thanh khoản vẫn khá thấp
 VN-Index tăng 6.64 điểm (+1.2%), đóng cửa tại mức 560.19 điểm. VN-Index hình thành cây nến xanh, thân nến tương đối dài, tăng điểm khá mạnh và đóng cửa ở mức cao nhất phiên.
 - MA10, MA20 tiếp tục đi lên và sẽ là mức hỗ trợ cho VN-Index nếu chỉ số này điều chỉnh trở lại.
 - Tín hiệu MACD Histogram dừng đà tăng và đi ngang trở lại.
 - Stochastic Oscillator giảm mạnh và đi qua khỏi ngưỡng quá mua.
 - RSI (14) tăng lên mức 80.



HOSE Top 5 theo KLGD

BID	0.1 (0.5%)	8,417,060
ITA	-0.1 (-1.4%)	6,795,290
SSI	1 (4.8%)	4,450,790
HAG	0.5 (2.3%)	4,252,180
IJC	0 (0.0%)	2,835,170

HOSE Top 5 theo % tăng

BRC	0.7 (7.0%)	210
HDC	1.2 (7.0%)	10,050
VNH	0.3 (7.0%)	113,610
HOT	1.9 (7.0%)	530
VNA	0.2 (6.9%)	82,910

HOSE Top 5 theo % giảm

HAX	-0.4 (-6.9%)	550
MDG	-0.3 (-6.8%)	32,880
HVX	-0.3 (-6.4%)	30
CYC	-0.3 (-5.6%)	5,160
VNG	-0.4 (-5.1%)	3,300

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

GAS	30,6 tỷ	393,630
VCB	15,6 tỷ	535,380
MSN	10,4 tỷ	109,400
HAG	7,5 tỷ	340,130
HSG	6,9 tỷ	150,330

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HPG	-8,9 tỷ	192,900
KDC	-5,8 tỷ	102,910
DPM	-3,4 tỷ	72,550
SSI	-2,5 tỷ	111,490
TTF	-1,5 tỷ	200,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	5,461,980	135.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Thị trường giao dịch khá tích cực, đà tăng lan rộng. Nhóm vốn hóa lớn tiếp tục thu hút sự quan tâm của thị trường, đặc biệt cổ phiếu BID ở phiên giao dịch đầu tiên.
- ▶ Khối lượng gia tăng nhẹ và ở mức tương đương với bình quân 20 phiên giao dịch. Điều này phần nào phản ánh được sự lượng lự nhất định của NĐT.
- ▶ VN-Index vẫn đang giao dịch ở vùng điểm cao. Những nhịp điều chỉnh có thể vẫn còn tiếp diễn. Dòng tiền vẫn phân hóa nhưng đà tăng của VN-Index sẽ có thể chậm dần.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng phiên hôm nay. Nếu đà mua ròng vẫn được duy trì thì khả năng thị trường vẫn tiếp tục tăng điểm.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận. Hạn chế mở vị thế mua mới. Việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD tốt/ kín room.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

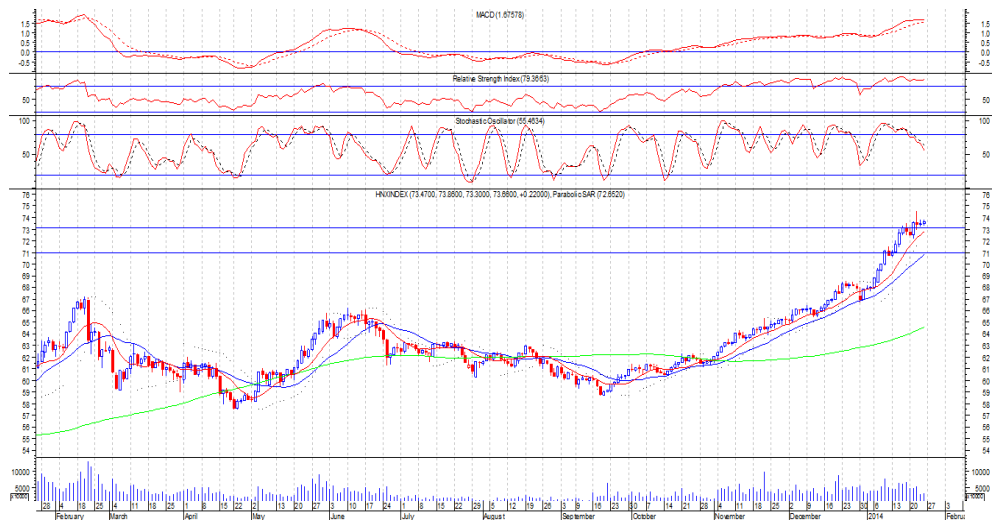
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
GAS	1,895.0	79.0	149,705.00	6,696	11.3	4.3	0.40
VNM	833.5	142.0	118,352.32	8,053	17.5	7.0	0.22
MSN	734.9	97.0	71,286.40	553	169.9	5.3	1.77
VIC	909.5	76.5	69,578.63	6,710	11.3	4.3	2.74
VCB	2,317.4	28.9	66,973.35	1,757	16.7	1.6	9.59
CTG	3,723.4	16.9	62,925.54	2,287	7.5	1.1	9.54
BID	2,811.2	18.8	52,850.61	1,750	-	-	16.03
BVH	680.5	46.0	31,301.69	1,618	28.4	2.6	3.18
STB	1,142.5	20.2	23,078.73	703	29.7	1.6	8.60
PVD	275.3	73.5	20,231.47	6,602	11.1	1.9	1.13

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	232.6	11.8	2,744.68	17.5	1.0	NA	T.ĐỔI
PPC	318.2	26.1	8,303.84	4.3	1.6	NA	T.ĐỔI
PHR	78.5	31.8	2,495.98	6.0	1.2	31.0	GIỮ
BMP	45.5	76.5	3,479.10	9.1	2.4	NA	T.ĐỔI
VSC	28.6	65.0	1,861.99	8.0	2.2	NA	T.ĐỔI
DPM	379.9	46.1	17,514.97	7.1	1.8	NA	T.ĐỔI

HNX 24/01/2014 HNX-Index 73.66 0.21 0.29% 34,765,819 CP 336.60 bil. VND

Tiếp tục tăng điểm nhẹ nhưng thanh khoản vẫn khá thấp
 Chỉ số HNX-Index tăng 0.21 điểm (+0.29%), đóng cửa tại mốc 73.65 điểm. HNX-Index tạo thành cây nến bóng ngắn, thân nến ngắn, gần giống với nến Doji cho thấy sự giằng co của thị trường.
 - MA10, MA20 vẫn đang xu hướng tăng. Và sẽ hỗ trợ mạnh cho HNX-Index nếu chỉ số này tiếp tục giảm điểm.
 - Chỉ báo Stochastic Oscillator tiếp tục hướng đi xuống, cho thấy xu hướng thị trường đang khá yếu.
 - Tín hiệu MACD Histogram đi ngang.
 - RSI (14) giữ ở mức 79.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0 (0.0%)	6,849,580
PVS	0 (0.0%)	2,298,500
VND	0.3 (2.3%)	1,907,700
SHB	0 (0.0%)	1,804,950
VCG	-0.2 (-1.8%)	1,778,630

HNX Top 5 theo % tăng

MCF	1.7 (10.0%)	3,800
VE2	0.6 (10.0%)	8,500
VE4	0.8 (10.0%)	-
DC4	0.7 (9.9%)	29,100
CMI	1.2 (9.8%)	208,600

HNX Top 5 theo % giảm

NAG	-0.3 (-10.0%)	5,600
VNN	-0.4 (-10.0%)	500
CCM	-1.2 (-9.9%)	100
TTZ	-0.5 (-9.8%)	6,600
SHN	-0.4 (-9.5%)	1,487,730

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

VND	4,6 tỷ	346,770
KLS	4,2 tỷ	442,100
SHB	1,4 tỷ	190,500
LAS	0,9 tỷ	19,900
VCG	0,7 tỷ	64,500

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-5,6 tỷ	199,200
VIG	-0,4 tỷ	115,400
BVS	-0,1 tỷ	12,000
VC2	-0,1 tỷ	7,500
TV4	-0,1 tỷ	10,000

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	912,799	9.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ Sự giằng co vẫn tiếp tục diễn ra khá mạnh trên sàn Hà Nội. Dù đà tăng của HNX-Index vẫn được duy trì nhưng sự hưng phấn không thực sự mạnh.
- ▶ Thanh khoản vẫn duy trì ở mức khá thấp. Điều này cho thấy sự thận trọng nhất định trong giới đầu tư.
- ▶ Đà tăng của HNX-Index vẫn đang duy trì, nếu khối ngoại vẫn giữ nhịp mua ròng. Tuy nhiên rủi ro về những nhịp điều chỉnh vẫn đang hiện hữu.
- ▶ Khối ngoại vẫn nhịp mua ròng sàn Hà Nội nhưng lượng mua đã giảm đi nhiều.
- ▶ NĐT có thể thực hiện chốt lời những mã đã đạt lợi nhuận. Hạn chế mở vị thế mua mới, việc mua mới chỉ nên tập trung vào mã có kỳ vọng KQKD tốt / kín room.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	EPS (000')	P/E (lần)	P/B (lần)	D/E
ACB	921.5	16.2	14,928.55	1,027	15.7	1.2	11.53
PVS	446.7	28.1	12,552.28	2,872	9.8	1.6	2.15
SQC	110.0	78.2	8,602.00	- 188	- 415.6	6.4	0.22
SHB	886.1	7.2	6,379.80	1,884	3.8	0.6	10.63
OCH	200.0	27.4	5,480.00	687	40.0	2.6	0.95
VCG	441.7	11.0	4,858.82	403	27.8	0.9	3.58
PVI	225.4	18.6	4,192.70	1,243	15.0	0.7	0.81
LAS	77.8	45.0	3,502.44	5,746	7.8	2.5	0.98
NTP	43.3	64.0	2,773.63	7,195	9.0	2.3	0.44
VNR	100.8	25.5	2,571.11	3,470	7.0	1.0	0.91

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	34.6	1,314.80	6.3	1.5	NA	T.ĐỒI
AAA	19.8	22.9	453.42	6.8	0.9	NA	T.ĐỒI
VND	96.9	13.5	1,308.64	10.6	1.1	NA	T.ĐỒI
NTP	43.3	64.0	2,773.63	9.0	2.3	NA	T.ĐỒI
LHC	2.0	58.5	117.00	2.4	1.0	NA	T.ĐỒI
DXP	7.9	47.4	373.27	2.4	1.6	NA	T.ĐỒI

Hang T. Nguyen

hangntt@vietinbanksc.com.vn

Mã CK CTG
Tên công ty VIETINBANK
Sở giao dịch HOSE
Ngành Ngân hàng
SLCPLH 3723.4 triệu CP
GTVH (tỷ) 62,926 tỷ VND

Giá hiện tại **16.9**
 Giá mục tiêu **20.0**

GIỮ

► CTG: Nợ xấu đã giảm mạnh xuống còn 0.82%

Nếu như vào tháng 9, nợ xấu của ngân hàng lên đến 2.47% với tốc độ tăng nhanh nhất trong số những ngân hàng niêm yết thì đến cuối năm 2013, nợ xấu đã giảm mạnh xuống dưới 1%. Điều này cho thấy chỉ trong 3 tháng cuối năm, công tác xử lý nợ xấu đã được đẩy mạnh. Bên cạnh đó, một nguyên nhân có thể giải thích cho vấn đề này là sự tăng vọt của tín dụng từ 3.95% lên đến 14.7% trong quý 4, đã khiến tỉ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ giảm mạnh.

Nhận định: Tính đến cuối tháng 12/2013, CTG lại vươn lên là ngân hàng có tổng tài sản lớn thứ 2 trong ngành sau khi để lọt vị trí này vào tay BIDV vào hồi cuối quý 3. Bên cạnh đó, với việc tăng vốn điều lệ lên trên 37 nghìn tỷ đồng, dẫn đến vốn chủ sở hữu đạt trên 55 nghìn tỷ đồng, CTG đã thành ngân hàng có quy mô vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu cao nhất hệ thống trong năm vừa qua.

Tổng kết năm 2013, CTG đã vượt kế hoạch trên nhiều chỉ tiêu như: tổng tài sản tăng trưởng 14.4%, vượt 7.7% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 7,750 tỷ đồng, vượt 3.3% so với kế hoạch. Tổng vốn huy động tăng 11%, tổng đầu tư cho vay tăng 14.7% so với 2012. Các chỉ số lợi nhuận ROA và ROE tương ứng là 1.45% và 13.9%.

Trong năm tới 2014, Vietinbank kế hoạch tổng tài sản tăng 10-14%, nguồn vốn huy động tăng 10-15%, dư nợ tín dụng và đầu tư tăng 10-15%, nợ xấu vẫn giữ dưới 3%. Đối với vụ kiện liên quan đến Huyền Như, trong trường hợp Vietinbank bị phán quyết phải chịu trách nhiệm với khách hàng, giá trị sổ sách/CP của CTG có thể sẽ giảm khoảng 1.200VNĐ/CP ghi nhận dự phòng các khoản nợ xấu và trách nhiệm liên quan.



So với những ngân hàng niêm yết, CTG có các chỉ số sinh lời cao thứ nhì, đứng sau SHB. Đơn cử, ROE của CTG, VCB, STB, EIB, ACB, MBB, NVB, SHB lần lượt là 16.01%, 9.79%, 5.39%, 7.93%, 0.75%, 7.53%, 14.73%, -3.84% và 17.14%.

Hiệu quả quản lý chi phí và thu nhập cũng rất tốt. Ví dụ: Chi phí/thu nhập của CTG là -37.23% trong khi các ngân hàng niêm yết khác hầu như là cao hơn (VCB (39%), STB (57.82%), EIB (51.47%)).

Cổ phiếu CTG đang giao dịch ở mức 16.9, đã đi qua mức thấp nhất 16.0 trong vòng năm qua. EPS của CTG đang cao nhất toàn ngành cộng với P/E đang thấp hơn so với trung bình, hứa hẹn một sự tăng giá của cổ phiếu này trong tương lai, khi kết quả kinh doanh đạt hiệu quả tốt.

Theo phương pháp định giá so sánh nhiều chỉ số, giá trị hợp lý của cổ phiếu CTG là 20.0, cao hơn 18% so với mức giao dịch hiện tại là 16.9, chúng tôi tiếp tục khuyến nghị "NẮM GIỮ" cổ phiếu này.

Chỉ tiêu tài chính chủ yếu

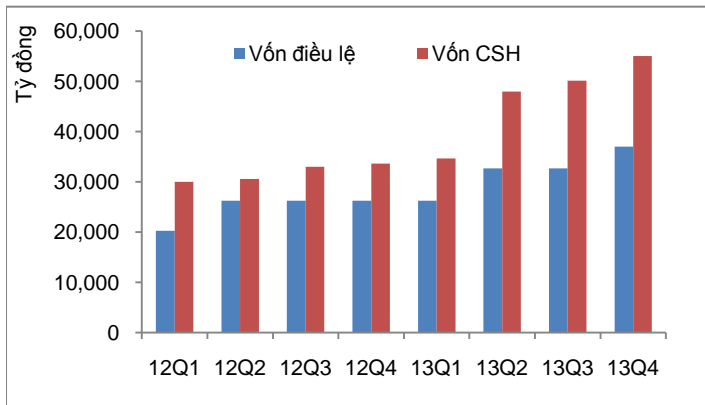
	12Q2	12Q3	12Q4	13Q1	13Q2	13Q3
Thu nhập lãi thuần	4,685.0	4,680.1	4,702.4	4,645.8	4,684.8	4,629.8
Thu nhập dịch vụ	319.1	249.8	330.4	304.0	366.2	421.4
Thu nhập HDKD khác	474.9	692.5	789.4	333.8	341.9	854.5
Chi phí hoạt động	3,213.9	1,666.3	2,374.9	2,567.4	2,084.7	2,198.7
Lãi ròng	570.6	2,708.1	1,346.8	1,039.6	2,123.9	2,186.7
Tổng dư nợ	284,663	300,970	333,356	324,626	334,607	345,556
Tài sản khác	120,205	142,037	170,250	175,221	187,994	183,053
Tổng tài sản	404,868	443,007	503,606	499,847	522,601	528,609
Công nợ	374,073	409,805	469,757	464,981	474,394	478,261
Vốn chủ sở hữu	30,795	33,202	33,849	34,866	48,207	50,348

Mã CK	SLCPLH	Giá	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	ROA
Một số công ty cùng lĩnh vực hoạt động							
ACB	921.5	16.1	14,836.40	1,027	15.7	1.2	0.56%
CTG	3,723.4	17.1	63,670.22	2,287	7.5	1.1	1.29%
EIB	1,229.4	13.7	16,843.23	970	14.1	1.1	0.75%
MBB	1,125.6	13.7	15,421.06	2,022	6.8	1.0	1.24%
NVB	297.7	7.0	2,083.69	306	22.9	0.7	-0.39%
SHB	886.1	7.2	6,379.80	1,884	3.8	0.6	1.51%
STB	1,142.5	20.9	23,878.49	703	29.7	1.6	0.50%
VCB	2,317.4	29.3	67,900.32	1,757	16.7	1.6	0.95%

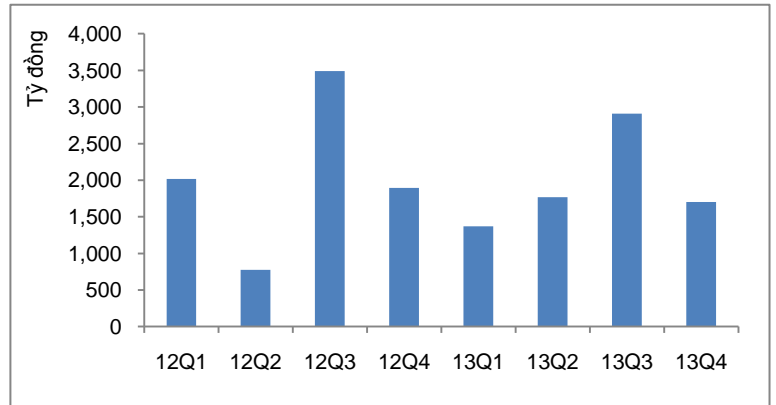
Chỉ số bình quân ngành

Ngân hàng	211,012.00	1,681	8.7	1.3	0.98%
-----------	------------	-------	-----	-----	-------

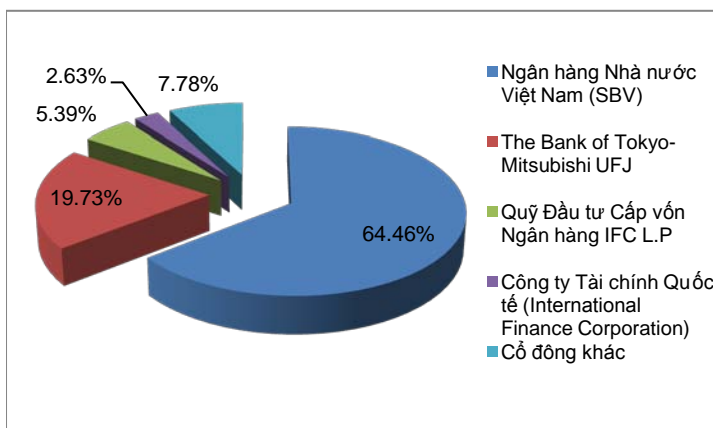
Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu



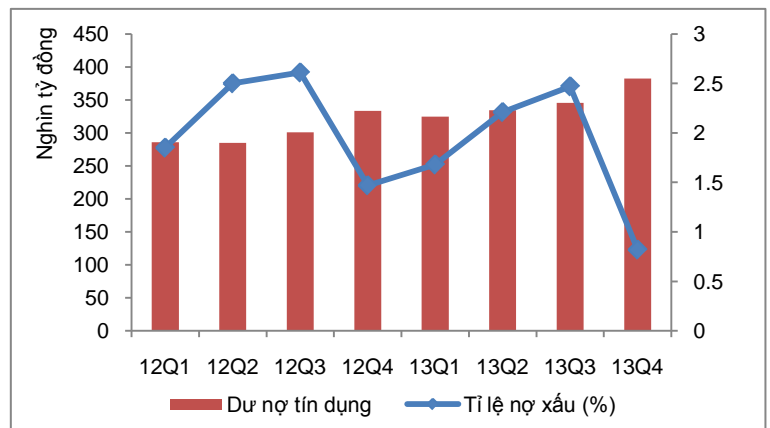
Lợi nhuận trước thuế



Cơ cấu cổ đông



Dư nợ tín dụng và tỉ lệ nợ xấu (%)



KẾT QUẢ KINH DOANH					BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Tổng doanh thu	20,661	34,689	58,101	54,202	Tiền mặt & tương đương	7,573	7,851	15,815	14,745
Thu nhập lãi ròng	7,936	12,089	20,048	18,420	Tiền gửi/cho vay TCTC khác	24,045	50,961	65,268	57,708
Thu nhập lãi	18,913	31,919	55,775	50,661	Chứng khoán kinh doanh	299	224	543	275
Chi phí lãi	(10,976)	(19,830)	(35,727)	(32,241)	Cho vay khách hàng	161,619	231,435	290,398	329,683
Thu nhập ngoài lãi	1,748	2,770	2,326	3,542	Chứng khoán đầu tư	38,977	61,585	67,449	73,462
Tổng thu nhập hoạt động	9,684	14,859	22,374	21,962	Đầu tư dài hạn khác	1,464	2,093	2,924	2,771
Chi phí hoạt động	(5,803)	(7,195)	(9,078)	(9,436)	Tài sản cố định	3,298	3,298	3,746	5,277
Chi phí dự phòng	(508)	(3,025)	(4,904)	(4,358)	Bất động sản đầu tư	-	-	-	-
LNR trước thuế	3,373	4,638	8,392	8,168	Tài sản khác	6,435	10,247	14,257	19,535
Thuế	(790)	(1,194)	(2,133)	(1,998)	Tổng tài sản	243,785	367,712	460,420	503,530
LNR sau thuế	2,583	3,445	6,259	6,170	Vay NHNN	13,719	43,221	27,294	2,785
Lợi ích cổ đông thiểu số	(11)	(9)	(16)	(18)	Tiền gửi/vay từ TCTD khác	15,012	35,097	74,408	96,815
LNR sau lợi ích thiểu số	2,573	3,436	6,244	6,152	Huy động từ dân cư	148,375	205,919	257,136	289,105
EPS	2.286	2.264	3.086	2.346	Giấy tờ có giá	43,330	55,463	47,914	61,896
					Nợ khác	10,572	9,641	24,969	19,088
					Tổng nợ	231,008	349,340	431,721	469,690
					Vốn	11,253	15,172	20,230	26,218
					Sổ phiếu quỹ	-	-	-	-
					Vốn khác	88	90	1,944	2
					Quỹ	394	691	1,776	2,736
					Lợi nhuận giữ lại	836	2,218	4,541	4,669
					Tổng vốn chủ sở hữu	12,572	18,170	28,491	33,625
					Cổ đông thiểu số	205	202	208	216
					Tổng nợ & vốn CSH	243,785	367,712	460,420	503,530
CHỈ SỐ TÀI CHÍNH					TĂNG TRƯỞNG				
	2009	2010	2011	2012		2009	2010	2011	2012
Khả năng sinh lợi					Tài sản		50.8%	25.2%	9.4%
Thu nhập lãi/tổng thu nhập	81.9%	81.4%	89.6%	83.9%	Vốn CSH		44.5%	56.8%	18.0%
Thu nhập ngoài lãi/Tổng TN	18.1%	18.6%	10.4%	16.1%	Cho vay khách hàng		43.2%	25.5%	13.5%
					Huy động từ dân cư		38.8%	24.9%	12.4%
Tỷ lệ lãi biên	42.0%	37.9%	35.9%	36.4%	Thu nhập lãi		68.8%	74.7%	-9.2%
Chi phí/Thu nhập	58.0%	62.1%	64.1%	63.6%	Chi phí lãi		80.7%	80.2%	-9.8%
Khả năng thanh toán					Thu nhập lãi ròng		52.3%	65.8%	-8.1%
Dư nợ KH/huy động KH	108.9%	112.4%	112.9%	114.0%	Thu nhập ngoài lãi		58.4%	-16.0%	52.2%
Dư nợ KH/Tổng huy động	98.9%	96.0%	87.6%	85.4%	Thu nhập hoạt động		53.4%	50.6%	-1.8%
Hệ số an toàn vốn					Chi phí hoạt động		24.0%	26.2%	3.9%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%	Lợi nhuận trước thuế		37.5%	80.9%	-2.7%
					Lợi nhuận ròng		33.3%	81.7%	-1.4%
Chất lượng tín dụng									
Nợ xấu/tổng dư nợ	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Dự phòng/nợ xấu	0.0%	0.0%	0.0%	0.0%					
Tỷ suất sinh lời									
ROA	1.1%	0.9%	1.4%	1.2%					
ROA	20.5%	18.9%	21.9%	18.3%					

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	8,187	4,297	6.4	1.1	0.52
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	23,919	5,476	7.3	1.8	0.38
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,153	309	19.9	0.5	2.10
Sản xuất giấy	647	405	18.7	0.7	0.97
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	31,145		16.6	1.8	1.79
Khai khoáng					
Khai thác than	1,764	2,602	4.5	0.8	3.62
Khai khoáng	12,227	686	41.8	4.9	0.33
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	17,703	839	14.6	1.4	1.66
Xây dựng	25,495	- 359	26.9	1.0	3.10
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,280	2,539	7.8	1.2	1.05
Công nghiệp phức hợp	330	1,686	4.7	0.5	0.33
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,626	1,257	10.6	1.0	1.11
Thiết bị điện	1,484	- 355	15.7	0.6	0.98
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	34	277	19.4	0.5	0.42
Máy công nghiệp	9,830	2,946	9.3	1.6	0.65
Vận tải					
Vận tải thủy	6,508	- 2,805	2.7	0.8	1.68
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	9,399	3,482	10.5	1.5	0.42
Dịch vụ vận tải	4,886	1,763	10.1	1.4	0.83
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	1,833	1,836	9.0	1.1	2.11
Đào tạo & Việc làm	226	582	14.3	0.6	1.98
Nhà cung cấp thiết bị	165	1,055	7.3	0.8	2.30
Chất thải & Môi trường	104	6,268	1.7	0.6	1.38
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,930	729	21.2	1.6	0.90
Lốp xe	6,507	4,442	8.1	2.3	1.33
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,823	3,264	6.5	1.2	0.86
Vang & Rượu mạnh	207	1,757	13.1	1.6	1.12
Đồ uống & giải khát	248	3,548	6.6	1.2	0.60
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	12,175	1,664	10.3	1.2	1.95
Thực phẩm	209,254	3,817	23.3	5.8	0.78
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	37	43	72.3	0.5	0.30
Thiết bị gia dụng	2,153	1,930	8.9	1.1	1.30
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	157	4,808	3.6	1.4	0.45
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	2,925	2,433	9.6	1.5	1.70
Giày dép	6	1,938	1.9	0.2	0.59
Hàng cá nhân	5,085	2,935	11.0	1.8	0.92
Thuốc lá					
Thuốc lá	727	-	49.6	1.0	2.48

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	EPS	P/E	P/B	D/E
Y tế					
Thiết bị và dịch vụ y tế					
Thiết bị y tế	1,017	2,542	7.0	1.0	0.61
Dụng cụ y tế	124	5,634	3.3	1.5	1.32
Dược phẩm					
Công nghệ sinh học	159	870	16.0	1.0	0.43
Dược phẩm	14,542	5,629	11.6	3.0	0.83
Bán lẻ					
Phân phối thực phẩm và dược					
Phân phối thực phẩm	340	453	59.6	1.1	2.65
Bán lẻ					
Bán lẻ phức hợp	648	488	31.1	1.1	0.98
Phân phối hàng chuyên dụng	2,649	2,869	9.1	1.7	5.29
Truyền thông, Du lịch và Giải trí					
Truyền thông					
Dịch vụ truyền thông	10	2,492	3.3	0.4	0.78
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa	1,044	1,550	7.5	0.9	0.61
Du lịch và giải trí					
Hàng không	114	4,511	8.4	2.6	1.04
Khách sạn	5,983	567	43.9	2.5	0.91
Dịch vụ giải trí	2,008	619	21.2	1.6	0.96
Vận tải hành khách & Du lịch	1,214	800	23.2	2.3	0.43
Viễn Thông & Công nghệ thông tin					
Viễn thông cố định					
Viễn thông cố định	39	628	9.1	0.3	0.76
Phần mềm và dịch vụ máy tính					
Dịch vụ máy tính	414	6	815.3	0.5	1.31
Internet	185	72	34.8	0.5	3.45
Phần mềm	15,265	5,014	9.4	2.1	1.11
Thiết bị và phần cứng					
Phần cứng	325	618	12.7	0.5	1.39
Thiết bị văn phòng	205	3,383	4.9	0.8	0.21
Thiết bị viễn thông	2,036	664	15.9	0.7	0.33
Điện nước, xăng dầu và khí đốt					
Sản xuất & phân phối điện					
Sản xuất & phân phối điện	22,776	2,226	7.0	1.3	1.16
Nước & khí đốt					
Phân phối xăng dầu & khí đốt	149,258	6,176	11.1	4.2	0.45
Nước	1,017	2,449	5.4	1.0	0.51
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản					
Bảo hiểm phi nhân thọ					
Bảo hiểm phức hợp	1,196	959	10.4	0.8	1.93
Bảo hiểm phi nhân thọ	6,337	1,288	12.1	0.7	0.87
Tái bảo hiểm	2,440	3,470	7.0	1.0	0.91
Bảo hiểm nhân thọ					
Bảo hiểm nhân thọ	31,302	1,618	28.4	2.6	3.18
Dịch vụ tài chính					
Tài chính đặc biệt	3,450	196	58.6	1.1	2.61
Môi giới chứng khoán	19,561	662	16.7	1.1	0.54
Ngân hàng					
Ngân hàng	211,012	1,681	8.7	1.3	9.65
Bất động sản					
Bất động sản	134,450	1,291	18.0	3.0	2.01
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản	3	720	3.5	0.4	1.03
Dầu khí					
Thiết bị, dịch vụ và phân phối					
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	34,111	3,935	10.6	1.8	1.51

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.